

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TÂY NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Quân ;
2. Ông Võ Văn Trung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh K, sinh năm 1981; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: khu phố HH, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Thế H, sinh năm 1980; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Khu phố A, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-02-2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh K trình bày:

Chị K và anh H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 15-6-2011 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh Tây Ninh.

Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, do anh H không có việc làm ổn định để chăm lo chăm sóc gia đình. Bên cạnh đó, anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng anh, chị không còn nói chuyện với nhau nên không thể giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị K yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh H, chị K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 24-5-2010. Chị K yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung; nợ chung: Chị K trình bày không có.

Theo Bản tự khai ngày 13-3-2020 bị đơn anh Nguyễn Ngọc Thế H trình bày:

Anh H và chị K chung sống từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Trong cuộc sống vợ anh, chị không có mâu thuẫn gì và hiện nay con còn nhỏ nên anh H không đồng ý ly với chị K.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn: Cho chị K và anh H

được ly hôn; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 24-5-2010 cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Như Y được sống với mẹ; Về tài sản chung, nợ chung chị K, anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Ngọc Thế H, anh H có nơi cư trú tại Khu phố A, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị Ánh K và anh Nguyễn Ngọc Thế H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị K và bị đơn anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị K và anh H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế do anh H không có việc làm ổn định để chăm lo cho gia đình và anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ. Trước đây, chị K đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn và cho anh H cơ hội nhưng đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Mặt khác, anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn hàn gắn hôn nhân và không đến Tòa để tham gia H giải; thể hiện cho thấy, anh H không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị K, để thuyết phục chị K hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh H không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị K đối với anh H.

[3] Về con chung: Anh H và chị K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 24-5-2010, con chung hiện đang sống chung với chị K.

Xét thấy cháu Như Y đang sống chung với chị K và tại “Biên bản lấy lời khai” ngày 25-02-2020 thể hiện nguyện vọng của cháu Như Y được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu Như Y có cuộc sống ổn định nên cần giao con chung cho chị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị K, anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh: Cho chị K và anh H được ly hôn, giao con chung cho chị K nuôi dưỡng; không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị K phải chịu án phí theo qui định Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh K và anh Nguyễn Ngọc Thế H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 24-5-2010 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; phù hợp với nguyện vọng của cháu Như Y được sống với mẹ. Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị K, anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh K phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002276 ngày 18-

02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Chi K đã nộp đủ án phí.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tp.TN;
- Chi cục THADS Tp.TN;
- Các đương sự;
- UBND Phường IV, Tp. TN;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Linh Phi